

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

BÁN ĐẦU GIÁ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI

Để đảm bảo quyền lợi của các nhà đầu tư, Ban đầu giá bán cổ phần Công ty cổ phần Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu khuyến cáo các nhà đầu tư tiềm năng nên tham khảo Tài liệu này trước khi quyết định đăng ký tham dự đầu giá



CÔNG TY CỔ PHẦN DV SXTM
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Bà Rịa, tháng 11/2009

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ ĐỢT BÁN ĐẦU GIÁ

Cổ phần bán	: Cổ phần của Công ty cổ phần Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Loại cổ phần bán	: Cổ phần phổ thông
Mệnh giá một cổ phần	: 10.000 đồng
Vốn điều lệ	: 16.000.000.000 đồng (<i>bằng chữ: Mười sáu tỷ đồng chẵn</i>)
Tổng số cổ phần bán đầu giá	: 770.000 cổ phần, tương ứng với 48,13% vốn điều lệ của Công ty
Giá khởi điểm đầu giá	: 32.400 đồng/cổ phần
Hình thức phát hành	: Bán phần vốn Nhà nước thông qua đấu giá công khai
Giới hạn số lượng cổ phần trong bán đầu giá	Mỗi nhà đầu tư được phép mua với khối lượng tối thiểu 100 cổ phần và khối lượng đặt mua tương ứng là bội số của 100. Nhà đầu tư trong nước được phép mua tối đa bằng số lượng cổ phần bán đầu giá. Nhà đầu tư nước ngoài được phép mua tối đa là 770.000 cổ phần, tương ứng 48,13% với vốn điều lệ của Công ty.
Bước giá trong đấu giá	: 100 đồng (một trăm đồng)
Mức giá trong đấu giá	: Mỗi nhà đầu tư được đăng ký một (01) mức giá
Địa điểm tổ chức bán đầu giá	: Công ty cổ phần Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại
Phương thức thanh toán	: Bằng tiền mặt/chuyển khoản vào tài khoản cho Công ty cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG	5
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	5
1. Rủi ro về kinh tế.....	5
2. Rủi ro luật pháp	5
3. Rủi ro của đợt chào bán	6
4. Rủi ro khác	6
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN	7
1. Tổ chức chào bán cổ phần.....	7
2. Tổ chức tư vấn.....	7
III. CÁC TỪ VIẾT TẮT	8
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN	9
1. Giới thiệu chung về tổ chức chào bán cổ phần	9
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	10
3. Cơ cấu bộ máy tổ chức và hoạt động	11
3.1. Đại hội đồng cổ đông.....	12
3.2. Hội Đồng Quản Trị	12
3.3. Ban Kiểm soát.....	12
3.4. Ban Giám đốc.....	13
3.5. Bộ máy quản lý của Công ty gồm các Phòng, Ban sau :	13
4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty	13
4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty (đến 30/09/2009).....	13
4.2. Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 30/09/2008).....	14
5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con	14
5.1. Danh sách công ty mẹ	14
5.2. Danh sách các công ty con, Công ty liên kết	15
6. Tình hình quản lý, sử dụng đất đai của Công ty (đến 30/09/2009)	15
7. Hoạt động kinh doanh:	16
7.1. Tình hình hoạt động kinh doanh	16
7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	21
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	22
8.1. Vị thế của công ty trong ngành:	22
8.2. Triển vọng phát triển của ngành:	22
9. Chính sách đối với người lao động	23
10. Chính sách cổ tức	24
11. Tình hình tài chính	24
11.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản	24
11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	26

12. Hội đồng Quản trị. Ban Giám đốc. Ban kiểm soát. kế toán trưởng.....	28
12.1. Hội đồng quản trị	28
12.2. Ban kiểm soát.....	33
12.3. Kế toán trưởng	36
13. Tài sản.....	37
14. Kế hoạch kinh doanh những năm tiếp theo	37
14.1. Định hướng chiến lược kinh doanh.....	37
14.2. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo	38
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	38
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.....	38
17. Các thông tin. các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành.	38
V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN.....	38
1. Loại cổ phiếu	38
2. Mệnh giá	38
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	39
4. Giá chào bán dự kiến.....	39
5. Thời gian. địa điểm đăng ký. tổ chức và nộp tiền mua cổ phần.....	39
6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	39
7. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	39
8. Các loại thuế có liên quan	39
9. Mục đích chào bán.....	39
10. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán	39
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	40
VII. PHỤ LỤC	40

NỘI DUNG

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Những năm vừa qua, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao và ổn định với mức tăng trưởng trung bình trong các năm từ 2002-2007 là từ 7,5 - 8%/năm. Trong bối cảnh nền kinh tế khó khăn, Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng đáng khích lệ 6,23% trong năm 2008. Năm 2009 được xem là một năm đầy thách thức đối với nền kinh tế toàn cầu nói chung và các nước đang phát triển nói riêng. Những kết quả kinh tế vĩ mô trong 6 tháng vừa qua tuy còn khá thấp so với cùng kỳ năm 2008 nhưng đã có những dấu hiệu tích cực cho thấy Việt Nam đã thoát đáy khủng hoảng. GDP trong 6 tháng đầu năm 2009 tăng 3,9%, lạm phát được giữ ở mức khá thấp so với cùng kỳ và đạt 2,68%.

Tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế cả nước, địa phương cũng như hoạt động sản xuất, dịch vụ, kinh doanh sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và Công ty cổ phần dịch vụ sản xuất thương mại nói riêng.

Ngành nghề Công ty cổ phần Dịch vụ sản xuất thương mại đang hoạt động là kinh doanh trong lĩnh vực chế biến mủ cao su, xăng dầu và khai thác đá. Sự biến động của giá cả cao su và xăng dầu trên thị trường tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Ngành sản xuất cao su thiên nhiên Việt Nam chịu ảnh hưởng rất lớn bởi các tác động của môi trường vĩ mô toàn cầu, đặc biệt là giá cao su thế giới (do hơn 80% sản phẩm mủ cao su Việt Nam được xuất khẩu).

2. Rủi ro luật pháp

Việt Nam đang trong quá trình mở cửa và hội nhập với nền kinh tế thế giới. Do vậy, hệ thống pháp luật của Nhà nước không ngừng được chỉnh sửa, bổ sung và ban hành mới. Các văn bản pháp luật của Việt Nam chưa thật sự hoàn chỉnh và có nhiều quy định chồng chéo. Các thay đổi về luật pháp sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

Là doanh nghiệp được tổ chức theo hình thức công ty cổ phần, hoạt động của Công ty cổ phần Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại chịu ảnh hưởng của Luật doanh nghiệp, Luật

chứng khoán. Các văn bản hướng dẫn thi hành các luật này còn đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra thì sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

3. Rủi ro của đợt chào bán

Quan hệ cung cầu của thị trường ảnh hưởng rất lớn đến giá cổ phiếu, mối quan hệ cung cầu phụ thuộc vào các yếu tố mang tính kinh tế và cả yếu tố tâm lý của nhà đầu tư. Vì vậy, có thể xảy ra khả năng không bán hết số lượng cổ phần chào bán đấu giá. Tuy nhiên, với mức giá khởi điểm chào bán hợp lý, Công ty tin tưởng vào sự thành công của đợt chào bán.

4. Rủi ro khác

Những rủi ro đó có thể xuất phát từ phía thiên nhiên (lũ lụt, hạn hán...), rủi ro, tai nạn (cháy, nổ,...). Đây là các rủi ro do biến cố bất ngờ, bất khả kháng, ngoài tầm kiểm soát của tổ chức phát hành, ảnh hưởng mang tính khu vực, ngành nghề và bất kỳ doanh nghiệp nào cũng có thể gặp phải. Tuy nhiên, các rủi ro này rất hiếm khi xảy ra.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức chào bán cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI

Ông: Võ Nhật Cường

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc

Ông: Lê Tấn Hùng

Chức vụ: Phó Chủ tịch HĐQT – Phó Tổng Giám đốc

Bà: Võ Thị Loan

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là khách quan, trung thực, phù hợp với thực tế để nhà đầu tư có thể đánh giá về tài sản, tình hình tài chính, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty cổ phần Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại trước khi đăng ký tham dự đấu giá mua cổ phần.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM (VISecurities),

Chi nhánh tại Tp.HCM

Đại diện: Ông VÕ THIÊN CHUÔNG

Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần chứng khoán Quốc Tế Việt Nam tại Tp.HCM

Việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cung cấp. Chúng tôi đảm bảo rằng các bước thực hiện và nội dung Bản công bố thông tin này đã tuân thủ theo đúng những trình tự bắt buộc nhưng không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.

III. CÁC TỪ VIẾT TẮT

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong bản công bố thông tin này có nội dung như sau:

CNĐKKD	: Chứng nhận đăng ký kinh doanh
HĐQT	: Hội Đồng Quản Trị
BKS	: Ban Kiểm Soát
BĐH	: Ban Điều hành
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
ROA	: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng Tài sản
ROE	: Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu
Công ty	: Công ty cổ phần DV – SX - TM
KCN	: Khu công nghiệp
SXKD	: Sản xuất kinh doanh

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CHÀO BÁN CỔ PHẦN

1. Giới thiệu chung về tổ chức chào bán cổ phần

Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI

Tên giao dịch : Commerce Production Service Joint – Stock Company Of Ba Ria
Vung Tau Province

Tên viết tắt tiếng Việt : CPS

Địa chỉ : Số 229 – Cách Mạng Tháng 8 – Phường Phước Hiệp – Thị Xã Bà
Rịa – Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Điện thoại : (064) 825262 - (064) 825155 - (064) 711509

Fax : (064) 825544

Vốn điều lệ : 16.000.000.000 đồng (Bằng chữ : Mười sáu tỷ đồng chẵn)

Email : CPS_brvt@yahoo.com.vn

Giấy CNĐKKD : Số 4903000207 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Bà Rịa Vũng Tàu cấp
lần đầu ngày 16/12/2005 và thay đổi lần thứ nhất ngày
06/01/2006.

Ngành nghề kinh doanh:

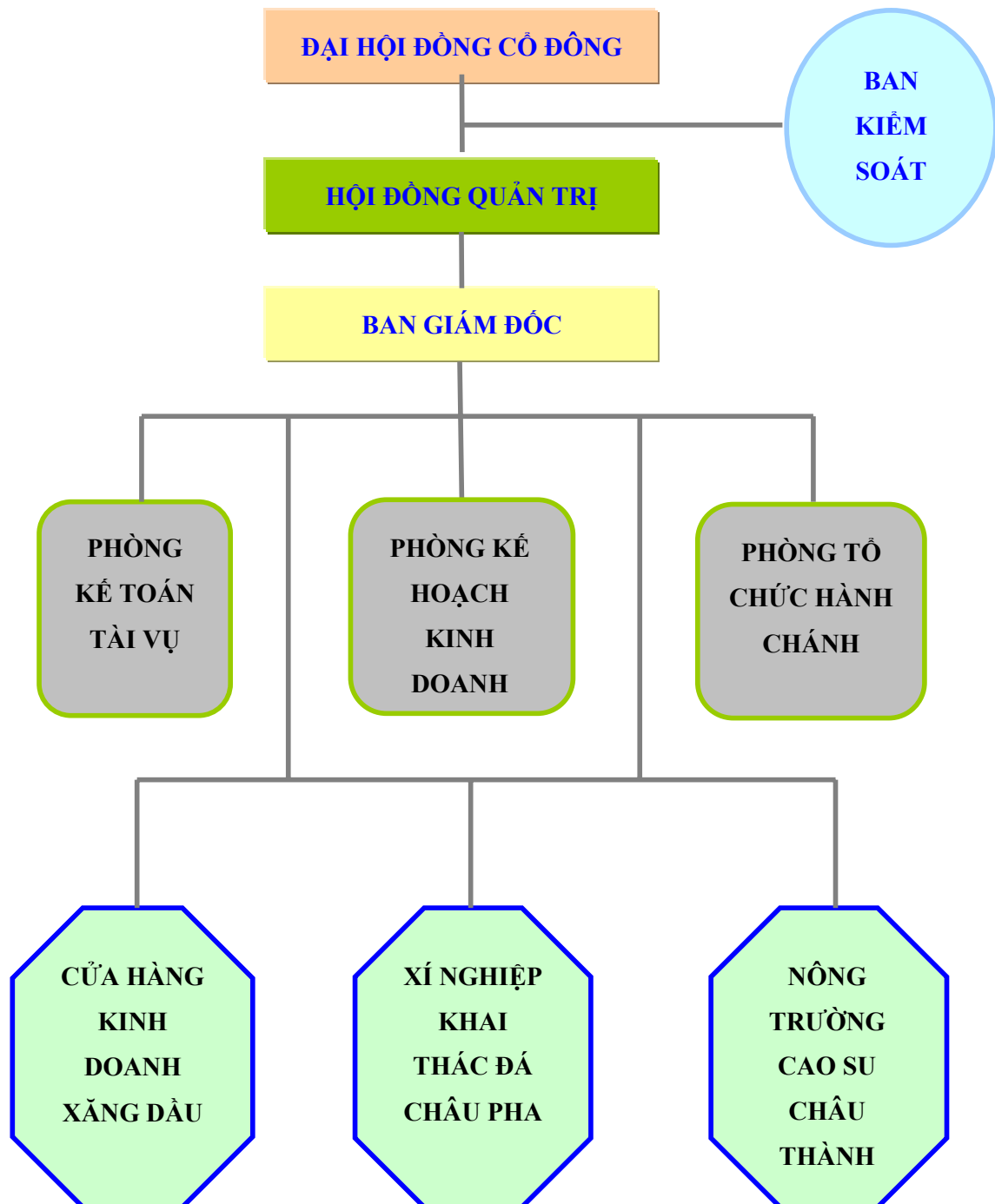
- + Dịch vụ cung ứng vật tư, nhiên liệu.
- + Thu mua, chế biến nông lâm hải sản.
- + Sản xuất, kinh doanh chế biến mủ cao su.
- + Lắp ráp gia công về cơ khí.
- + Thi công xây dựng và san lấp mặt bằng, làm đường giao thông.
- + Khai thác đá, kinh doanh, khai thác cát san lấp.

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- ❖ Công ty cổ phần Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại trước đây là Công ty Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại, doanh nghiệp kinh tế Đảng thuộc Tỉnh Ủy tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quyết định số : 601/QĐ-UBT ngày 21 tháng 09 năm 1993.
- ❖ Năm 2002 Công ty được chuyển đổi từ Doanh nghiệp kinh tế Đảng chuyển sang Công ty Nhà nước theo quyết định số : 6390/QĐ-UB ngày 08/08/2002 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- ❖ Công ty Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại được chuyển đổi từ loại hình Công ty Nhà nước sang loại hình Công ty cổ phần theo quyết định số: 4281/QĐ-UB ngày 29/06/2004 UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 4903000207 ngày 16 tháng 12 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 06/01/2006

3. Cơ cấu bộ máy tổ chức và hoạt động

Sơ đồ cơ cấu tổ chức



3.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được Luật pháp và Điều lệ do Công ty quy định.

3.2. Hội Đồng Quản Trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định các vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đặt ra các quy định, các chính sách về quản lý một số lĩnh vực kinh doanh quan trọng của công ty. Hội đồng quản trị còn thường xuyên giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh.

Hiện tại Hội đồng quản trị công ty gồm 5 thành viên :

- | | | |
|------------------------|---|--------------------------------|
| 1. Ông Võ Nhật Cường | - | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 2. Ông Lê Tấn Hùng | - | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| 3. Ông Võ Đình Hùng | - | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 4. Ông Đỗ Đình Nhơn | - | Thành viên Hội đồng quản trị |
| 5. Ông Nguyễn Trọng Tá | - | Thành viên Hội đồng quản trị |

3.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên, là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của Công ty, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Công ty. Ban Kiểm soát thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến hoạt động tài chính khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn. Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính chính xác, trung thực và hợp pháp của chứng từ, sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và hoạt động của hệ thống kiểm tra kiểm soát nội bộ.

Hiện tại, Ban kiểm soát công ty gồm 3 thành viên :

- | | | |
|------------------------|---|--------------------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Tùng | - | Trưởng Ban kiểm soát |
| 2. Ông Trương Quý Ca | - | Thành viên Ban kiểm soát |
| 3. Ông Trần Văn Chương | - | Thành viên Ban kiểm soát |

3.4. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty do Chủ tịch HĐQT Công ty bổ nhiệm, quản lý điều hành các công việc hàng ngày của Công ty. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc điều hành kinh doanh theo các chỉ tiêu được giao, sử dụng và phân công lao động hợp lý... Các thành viên Ban Giám đốc đều là những người có nhiều kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực hoạt động.

Hiện tại, Ban giám đốc Công ty gồm 3 thành viên :

- | | | |
|----------------------|---|-------------------|
| 1. Ông Võ Nhật Cường | - | Tổng giám đốc. |
| 2. Ông Lê Tấn Hùng | - | Phó Tổng giám đốc |
| 3. Ông Võ Đình Hùng | - | Phó Tổng giám đốc |

3.5. Bộ máy quản lý của Công ty gồm các Phòng, Ban sau :

- Phòng Kế toán tài vụ
- Phòng Kế hoạch kinh doanh
- Phòng Tổ chức hành chính

3.6. Bộ máy các đơn vị trực thuộc :

- Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Bà Rịa : Gồm có các đơn vị phụ thuộc sau :
 - a/ Trạm xăng dầu Bà Rịa : Số 229 – CMT8 – TX Bà Rịa – Tỉnh BRVT
 - b/ Trạm xăng dầu Long Hương : Phường Long Hương – TX Bà Rịa – Tỉnh BRVT
 - c/ Trạm xăng dầu Phú Mỹ : Thị trấn Phú Mỹ - Huyện Tân Thành – Tỉnh BRVT
 - d/ Trạm xăng dầu Ngãi Giao : Thị trấn Ngãi Giao – Huyện Châu Đức – Tỉnh BRVT
- Xí nghiệp khai thác đá Châu Pha : Xã Châu Pha – Huyện Tân Thành - BRVT
- Nông trường Cao su Châu Thành : Xã Kim Long – Huyện Châu Đức - BRVT

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty

4.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty (đến 30/09/2009)

STT	HỌ VÀ TÊN	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN	%/VỐN ĐIỀU LỆ
1	Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC)	06 Phan Huy Chú, Hà Nội	770.000	48,12%
2	Võ Nhựt Cường	Số 54, Nguyễn Mạnh Hùng, Phường Long Toàn, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh BR-VT	132.500	8,28%
3	Lê Tấn Hùng	Số 51 Trần Hưng Đạo, KP4, Phường Phước Nguyên, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh BR-VT	212.910	13,31%
4	Nguyễn Trọng Tá	Số 3170A Khu phố 2, Phường Phước Nguyên, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh BRVT	162.890	10,18%
Tổng cộng			1.278.300	79,89%

(Nguồn: CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)

4.2. Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 30/09/2008)

STT	THÀNH PHẦN	SỐ CỔ PHẦN	% VỐN ĐIỀU LỆ
Phân theo tính chất cổ đông			
1.	Nhà nước (SCIC)	770.000	48,12%
2.	Cán bộ công nhân viên	549.110	34.32%
3.	Cổ đông bên ngoài	280.890	17.56%
2	Cổ đông nước ngoài	0	0%
Tổng		1.600.000	100%

(Nguồn: CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con

5.1. Danh sách công ty mẹ

Không có

5.2. Danh sách các công ty con, Công ty liên kết

TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị (đồng)
1	Cty cổ phần nước khoáng thiên nhiên Đất Đỏ	229, CMT8, Phường Phước Hiệp, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh BR-VT	- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng - Sản xuất chế biến thực phẩm. - Dịch vụ ăn uống	30%	1.500.000.000

6. Tình hình quản lý, sử dụng đất đai của Công ty (đến 30/09/2009)

STT	Vị trí đất	Thời gian thuê (năm)	Mục đích sử dụng	Diện tích thuê đất (m²)
1	Xã Châu Pha, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	22 năm kể từ ngày 02/01/2006	Khai thác đá xây dựng	246.634,34
2	Xã Kim Long, huyện Châu Đức Và xã Xà Bang, huyện Châu Đức, tỉnh BRVT Trong đó diện tích trồng cao su		Trồng cao su	1.826.905,00 1.600.000

(Nguồn: CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu)

7. Hoạt động kinh doanh:

7.1. Tình hình hoạt động kinh doanh

7.1.1. Cơ cấu doanh thu – chi phí

Bảng chi tiết cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2006		2007		2008		Quý 2/2009	
		Giá trị	%/Tổng DT	Giá trị	%/Tổng DT	Giá trị	%/Tổng DT	Giá trị	%/Tổng DT
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	36.521	98,66%	50.362	98,04%	71.159	98,25%	28.955	98,20%
1.1.	Doanh thu bán hàng	33.784	91,27%	47.841	93,13%	66.123	91,30%	23.786	80,67%
1.2.	Doanh thu cung cấp dịch vụ	22	0,06%	2.430	4,73%	4.235	5,85%	2.988	10,13%
1.3.	Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.715	7,33%	91	0,18%	801	1,11%	2.181	7,40%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	434	1,17%	850	1,65%	1.004	1,39%	531	1,80%
	Trong đó : Lãi tiền gửi	434	1,17%	850	1,65%	1.004	1,39%	531	1,80%
3	Thu nhập khác	61	0,16%	157	0,31%	264	0,36%	0	0,00%
Tổng cộng		37.016	100%	51.369	100%	72.427	100%	29.486	100%

(Nguồn: BCTC năm 2006, 2007, 2008 của Công ty CP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại).

- ✓ Nhìn chung, tổng doanh thu qua 3 năm 2006, 2007, 2008 có sự tăng trưởng khá cao. Doanh thu năm 2007 so với 2006 tăng 38,78%, năm 2008 so với 2007 tăng 40,99%. Doanh thu tăng trưởng cho thấy Công ty đang hoạt động kinh doanh khá ổn định.
- ✓ Doanh thu bán hàng chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng doanh thu (từ 91,27% đến 93,13%). Trong đó, doanh thu từ hoạt động kinh doanh xăng dầu chiếm tỷ trọng lớn từ 73% đến 75%; doanh thu từ kinh doanh mủ cao su thiên nhiên chiếm tỷ trọng từ 12% đến 15%.
- ✓ Công ty đang có sự thay đổi cơ cấu theo hướng tăng tỷ trọng doanh thu cung cấp dịch vụ (từ 0,06% năm 2006 lên 5,85% năm 2008); Đồng thời, giảm tỷ trọng doanh thu hoạt động xây dựng (từ 7,33% năm 2006 xuống 1,11% năm 2008).
- ✓ Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty phát sinh chủ yếu từ lãi tiền gửi ngân hàng. Trong năm 2008, doanh thu từ hoạt động này đạt trên 1 tỷ đồng, chiếm 1,39% tổng doanh thu

Chi phí kinh doanh

Bảng chi tiết các loại chi phí

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2006		2007		2008		Quý 2/2009	
		Giá trị	%/Tổng DT	Giá trị	%/Tổng DT	Giá trị	%/Tổng DT	Giá trị	%/Tổng DT
1	Giá vốn hàng bán	30.284	92,59%	42.475	93,13%	61.481	94,04%	23.641	91,89%
2	Chi phí hoạt động tài chính	31	0,09%	81	0,18%	41	0,06%	15	0,06%
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>31</i>	<i>0,09%</i>	<i>58</i>	<i>0,13%</i>	<i>41</i>	<i>0,06%</i>	<i>15</i>	<i>0,06%</i>
3	Chi phí bán hàng	991	3,03%	1.349	2,96%	1.863	2,85%	1.073	4,17%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.400	4,28%	1.594	3,50%	1.988	3,04%	940	3,65%
5	Chi phí khác	0	0,00%	109	0,24%	2	0,00%	59	0,23%
Tổng cộng		32.706	100%	45.608	100%	65.375	100%	25.728	100%

(Nguồn: BCTC năm 2006, 2007, 2008 của Công ty CP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại)

- ✓ Tổng chi phí của Công ty trong năm 2007 so với năm 2006 tăng 39,45%; Năm 2008 so với năm 2007 tăng 43,34%. Mặc dù tổng chi phí tăng cao nhưng tổng doanh thu của Công ty cũng tăng trưởng với tốc độ tương ứng.
- ✓ Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng chủ yếu từ 92,59% đến 93,13% tổng chi phí. Trong giá vốn hàng bán thì chi phí nguyên vật liệu phát sinh từ hoạt động kinh doanh xăng dầu chiếm tỷ trọng rất lớn (chiếm 86% tổng chi phí). Trong 2 năm gần đây, giá dầu có xu hướng tăng là nguyên nhân làm giá vốn hàng bán tăng cao. Chi phí từ hoạt động sản xuất cao su thiên nhiên và khai thác đá xây dựng của Công ty trong 3 năm gần đây nhìn chung khá ổn định.
- ✓ Chi phí tài chính của Công ty chiếm tỷ trọng thấp trong tổng chi phí (từ 0,06% đến 0,13%). Những chi phí này phát sinh chủ yếu từ các khoản vay ngắn hạn ngân hàng.
- ✓ Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp có sự tăng nhẹ về số tuyệt đối qua các năm (năm 2007/ 2006 tăng 552 triệu đồng; năm 2008/2007 tăng 908 triệu đồng) nhưng về tỷ trọng trong tổng chi phí lại có xu hướng giảm dần (năm 2007/2006 giảm 0,86%; năm 2008/2007 giảm 0,56%).

7.1.2. Các hợp đồng lớn Công ty đã ký kết và đang thực hiện

STT	Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Tên đối tác	Ngày hết hạn hợp đồng
Các đối tác liên kết khai thác đá xây dựng				
1	09/HĐKT	05/7/2005	Công ty TNHH SXTMDV Hồng Long	05/07/2022
2	15/HĐKT	01/07/2003	Công ty TNHH Tân Thanh Bình	01/07/2020
3	13/HĐKT	09/03/2004	Công ty cổ phần Thành Nam	29/11/2021
4	44/HĐKT	29/11/2007	Công ty TNHH Hùng Dũng	29/22/2021
Các đối tác hợp đồng mua bán hàng hóa dịch vụ				
1	012/2007	31/12/2006	Công ty xăng dầu tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	31/12/2010
2	2489/HĐ	29/12/2008	Công ty Công nghiệp hóa chất mỏ Nam Bộ	31/12/2010
3	16/HĐKT	20/04/2009	Công ty TNHH Việt Hóa	31/03/2009
4	01/HĐKT	02/01/2009	Công ty cổ phần Phú Thịnh	31/12/2010

(Nguồn: BCTC năm 2006, 2007, 2008 của Công ty CP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại)

7.1.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2006 - 2008

Một số chỉ tiêu cơ bản trong bảng cân đối kế toán

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2006	2007		2008		Quý II/2009
	Giá trị	Giá trị	Tăng trưởng	Giá trị	Tăng trưởng	Giá trị
Tổng tài sản	26.745	26.572	-0,65%	30.585	15,10%	35.761
A Tài sản ngắn hạn	15.570	15.622	0,33%	19.335	23,77%	24.552
I Vốn bằng tiền	11.220	1.333	-88,12%	1.334	0,08%	3.073
II Đầu tư ngắn hạn	-	8.862		10.266	15,84%	11.634
III Các khoản phải thu	3.440	4.520	31,40%	6.893	52,50%	5.537
IV Hàng tồn kho	670	832	24,18%	708	-14,90%	1.800
V TS ngắn hạn khác	240	75	-68,75%	134	78,67%	2.508
B Tài sản dài hạn	11.175	10.950	-2,01%	11.250	2,74%	11.209
I Các khoản phải thu dài hạn						184
II TSCĐ	11.078	10.847	-2,09%	10.999	1,40%	10.784
1 TSCĐ hữu hình	10.054	9.892	-1,61%	9.971	0,80%	9.838
- Nguyên giá	12.983	13.346		13.689	2,57%	13.720
- Khấu hao (*)	(2.929)	(3.454)		(3.718)	7,64%	(3.882)
2 TSCĐ thuê tài chính						
3 TSCĐ vô hình	1.024	955	-6,74%	891	-6,70%	756
- Nguyên giá	1.371	1.371		1.371	0,00%	982
- Khấu hao (*)	(347)	(416)		(480)	15,38%	(226)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang				137		190
III Bất động sản đầu tư						
IV Đầu tư tài chính dài hạn						
V Các tài sản dài hạn khác	97	103	6,19%	251	143,69%	241
Tổng Nguồn vốn	26.745	26.572	-0,65%	30.585	15,10%	35.761
A Nợ phải trả	11.954	3.225	-73,02%	4.349	34,85%	8.826
I Nợ ngắn hạn	11.918	2.904	-75,63%	4.008	38,02%	8.488
II Nợ dài hạn	36	321	791,67%	341	6,23%	338
B Nguồn vốn chủ sở hữu	14.791	23.347	57,85%	26.236	12,37%	26.935
I Vốn chủ sở hữu	14.192	23.312	64,26%	26.654	14,34%	26.735
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	12.006	16.000	33,27%	16.000	0,00%	16.000
7 Quỹ đầu tư phát triển	1.873	1.379	-26,37%	3.223	133,72%	4.738
8 Quỹ dự phòng tài chính	313	172	-45,05%	402	133,72%	692
10 LNST chưa phân phối		5.761		7.029	22,01%	5.305
11 Nguồn vốn đầu tư XDCB						
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	599	35	-94,16%	(418)	-1294%	200

Nguồn: BCTC năm 2006, 2007 và 2008 của CTCP DV-SX-TM

- Tổng tài sản của Công ty nhìn chung có xu hướng tăng qua các năm. Năm 2007, tổng tài sản giảm nhẹ 137 triệu đồng (tương đương giảm 0,65%) so với năm 2006; nguyên nhân chính là do chi phí khấu hao tăng nhiều hơn so với hoạt động đầu tư tài sản mới của Công ty. Trong năm 2008, tài sản ngắn hạn của Công ty tăng 3.713 triệu đồng (23,77%) làm cho tổng tài sản tăng 4.013 triệu đồng (tương đương 15,10%); Tài sản ngắn hạn năm 2008 tăng chủ yếu từ các khoản phải thu (tăng 52,5%) và khoản đầu tư ngắn hạn (tăng 15,84%).
- Tỷ lệ nợ chiếm tỷ trọng khá thấp so với tổng tài sản của Công ty, từ 12% đến 25%. Các khoản nợ phải trả của Công ty chủ yếu phát sinh từ khoản phải trả người bán và khoản phải trả phải nộp khác.
- Từ đầu năm 2006 đến nay, Công ty vẫn duy trì vốn điều lệ là 16 tỷ đồng. Tổng Công ty cổ phần Vốn Nhà Nước (SCIC) nắm giữ 770.000 cổ phần tương đương 48,13% vốn điều lệ công ty; Phần còn lại chủ yếu do HĐQT, BGĐ và các CBCNV Công ty nắm giữ.

Báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2006	2007		2008		Quý II/2009
	Giá trị	Giá trị	Tăng trưởng	Giá trị	Tăng trưởng	Giá trị
Tổng doanh thu	36.520	50.361	37,90%	71.159	41,30%	28.955
Các khoản giảm trừ						
Doanh thu thuần	36.520	50.361	37,90%	71.159	41,30%	28.955
Giá vốn hàng bán	30.284	42.474	40,25%	61.481	44,75%	23.641
Lợi nhuận gộp từ HĐKD	6.236	7.887	26,48%	9.678	22,71%	5.314
Doanh thu hoạt động tài chính	435	849	95,17%	1.004	18,26%	531
Chi phí hoạt động tài chính	31	81	161,29%	41	-49,38%	15
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	<i>31</i>	<i>58</i>	<i>87,10%</i>	<i>41</i>	<i>-29,31%</i>	<i>15</i>
Chi phí bán hàng	991	1.349	36,13%	1.863	38,10%	1.073
Chi phí quản lý DN	1.400	1.594	13,86%	1.988	24,72%	940
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	4.249	5.712	34,43%	6.790	18,87%	3.817
Thu nhập khác	60	157	161,67%	264	68,15%	59
Chi phí khác	0	109		2	-98,17%	0
Lợi nhuận khác	60	48	-20,00%	262	445,83%	59
Tổng lợi nhuận trước thuế	4.309	5.760	33,67%	7.052	22,43%	3.876
Thuế thu nhập DN phải nộp				619		228
Tổng lợi nhuận sau thuế	4.309	5.760	33,67%	6.433	11,68%	3.648

Nguồn: BCTC 2006. 2007. 2008 của CTCP DV-SX-TM

➤ **Doanh thu**

Tổng doanh thu Công ty từ năm 2006 đến 2008 có sự tăng trưởng rất tốt và bền vững; Năm 2007 so với 2006 tăng 13.841 triệu đồng tương đương 37,90%; Năm 2008 so với 2007 tăng 20.782 triệu đồng tương đương 41,30%. Doanh thu của Công ty vẫn giữ được sự tăng trưởng ổn định trước ảnh hưởng của suy giảm kinh tế toàn cầu năm 2008 cho thấy tính hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

➤ **Chi phí sản xuất và quản lý**

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng từ 82% đến 86,40% tổng doanh thu. Trong đó, các khoản chi phí từ hoạt động kinh doanh xăng dầu chiếm tỷ trọng lớn trong giá vốn hàng bán (từ 73% đến 75%).

Công ty rất hạn chế sử dụng vốn vay vào hoạt động kinh doanh nên chi phí hoạt động tài chính (mà chủ yếu là chi phí lãi vay) chiếm tỷ trọng rất thấp trong chi phí sản xuất của Công ty.

➤ **Lợi nhuận**

Tình hình lợi nhuận của Công ty có sự tăng trưởng rất tốt qua các năm. Trong năm 2006, lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 4.309 triệu đồng; Năm 2007, lợi nhuận trước thuế tăng 33,67% so với năm 2006 đạt 5.760 triệu đồng; Năm 2008 đạt 7.052 triệu đồng tăng 22,43% so với năm 2007. Sự tăng trưởng này là tín hiệu tích cực cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty trong năm 2006, năm 2007 và năm 2008 ở mức khá cao. Bên cạnh hiệu quả từ hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN do chính sách Nhà nước nhằm khuyến khích các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán là nguyên nhân góp phần tăng lợi nhuận đáng kể cho Công ty.

7.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

- ✓ Lĩnh vực mang lại lợi nhuận lớn cho Công ty là từ hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm cao su thiên nhiên. Trong những năm trở lại đây, điều kiện khí hậu biến đổi thất thường; mưa, lũ ngày càng nhiều gây ảnh hưởng lớn đến chất lượng và sản lượng mủ cao su.
- ✓ Suy giảm kinh tế toàn cầu ảnh hưởng lớn đến hoạt động tiêu thụ sản phẩm cao su thiên nhiên. Bên cạnh đó, những bất ổn của giá xăng dầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến cả hai lĩnh vực chính của Công ty là kinh doanh mủ cao su và kinh doanh xăng dầu.
- ✓ Hoạt động khai thác và kinh doanh đá xây dựng là hoạt động mang lại lợi nhuận khá tốt của Công ty. Trong vài năm gần đây, giá cả vật liệu xây dựng biến động rất lớn và có sự tăng đột biến tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động khai thác và kinh doanh đá xây dựng.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của công ty trong ngành:

- ✓ Với hơn 16 năm hoạt động với tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại có nhiều kinh nghiệm và năng lực trong hoạt động kinh doanh, được các khách hàng trong và ngoài nước tín nhiệm. Năng lực hoạt động, đội ngũ công nhân lành nghề, có kỹ thuật; cùng với đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm là một lợi thế của Công ty.
- ✓ Bên cạnh hoạt động kinh doanh mủ cao su. Công ty còn được UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cho phép khai thác đá xây dựng với diện tích là 243.634.34 m² trong thời gian 22 năm kể từ ngày 02/01/2006. Điều này góp phần quan trọng trong việc nâng cao doanh thu và lợi nhuận của Công ty.
- ✓ Công ty đang từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh xăng dầu. Hiện Công ty đang quản lý bốn trạm xăng dầu trên địa bàn Thị xã Bà Rịa. Hoạt động kinh doanh tại các trạm xăng dầu này khá ổn định và hiệu quả.
- ✓ Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đang có những định hướng chiến lược nhằm phát triển xứng tầm Thành phố du lịch; Trong đó, Tỉnh đang chủ trương phát triển kinh tế ở các vùng nông thôn thông qua các dự án đầu tư, xây dựng. Điều này, góp phần đáng kể cho sự phát triển kinh tế Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu (nói chung) và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại (nói riêng).

8.2. Triển vọng phát triển của ngành:

- ✓ Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Dịch vụ Sản Xuất Thương Mại tập trung vào các ngành nghề then chốt, có tiềm năng phát triển cao (sản xuất mủ cao su thiên nhiên. kinh doanh xăng dầu. khai thác đá xây dựng...). Tiềm năng phát triển và thị trường tiêu thụ của các sản phẩm này còn rất lớn.
- ✓ Nhu cầu nguyên vật liệu xây dựng tại Việt Nam ngày càng cao nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển cơ sở hạ tầng và kinh tế của đất nước; Trong đó, nhu cầu về đá xây dựng là khá lớn. Ngoài ra, hoạt động kinh doanh các trạm xăng dầu, hoạt động xây dựng, cho thuê mặt bằng ... điều là những ngành nghề kinh doanh có khả năng thu lợi nhuận cao và triển vọng phát triển phù hợp với tiềm năng phát triển trên địa bàn.

9. Chính sách đối với người lao động

Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ
Theo tính chất hợp đồng lao động		
+ Hợp đồng có xác định thời hạn	02	2,02%
+ Hợp đồng không xác định thời hạn	94	94,95%
+ Hợp đồng theo thời vụ	03	3,03%
Tổng cộng	99	100%
Theo trình độ lao động		
+ Trên đại học	0	0%
+ Đại học	10	10,10%
+ Cao đẳng	0	0%
+ Trung cấp	11	11,11%
+ Phổ thông	38	38,38%
+ Khác	40	40,40%
Tổng cộng	99	100%

(Nguồn : Công ty CP Dịch vụ Sản Xuất Thương Mại)

- ✓ Nhìn chung cán bộ công nhân viên đã được đào tạo và có kinh nghiệm chuyên môn nhằm phục vụ tốt cho công việc. Để tăng cường sức mạnh đội ngũ nhân lực của toàn Công ty, công tác nhân sự tại Công ty luôn được đặt lên hàng đầu, bao gồm cả việc tuyển dụng, đào tạo, sắp xếp công việc. Công ty luôn xây dựng một môi trường làm việc cho phép khuyến khích mọi cán bộ công nhân viên phát huy khả năng sáng tạo của mình, tăng cường tinh thần đoàn kết trong Công ty và nâng cao đời sống tinh thần của CBCNV, giúp họ yên tâm làm việc và cống hiến cho Công ty. Đặc biệt, công tác khen thưởng được đánh giá hàng năm, khuyến khích các cá nhân và đơn vị có kết quả làm việc xuất sắc và nâng cao ý chí phấn đấu của các cán bộ, nhân viên khác.
- ✓ Công tác đào tạo của Công ty đóng vai trò quan trọng trong việc phát triển nguồn nhân lực đồng thời hoàn thiện văn hóa làm việc cũng như đạo đức nghề nghiệp.

10. Chính sách cổ tức

Tỷ lệ trả cổ tức

Chỉ tiêu	2005	2006	2007	2008
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	940	4.309	5.760	6.433
Tỷ lệ chia cổ tức (%)		14%	15%	17%

Nguồn: CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại

11. Tình hình tài chính

11.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Tình hình khấu hao tài sản cố định (đến 30/06/2009)

Đơn vị tính: đồng

Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Số năm khấu hao
Văn phòng Công ty	177.490.202	114.534.575	20
Văn phòng xí nghiệp đá	73.339.616	32.603.338	20
Văn phòng NTCS	48.511.380	12.569.086	20
VP phòng KH-KD	180.672.000	164.110.400	20
Cây xăng Long Hương	252.548.636	147.270.232	25
Cây xăng Ngãi Giao	732.217.756	519.249.022	25
Cây xăng Phú Mỹ	962.250.755	498.209.246	25
Cây xăng Bà Rịa	507.756.902	379.138.286	25
Vườn cây cao su	8.900.000.000	6.847.704.800	Sản lượng
Xe Ford Everest 4 chỗ	484.031.608	294.452.549	10
Xe Chervolet Captiva	533.569.247	480.212.327	10
Lợi thế quyền khai thác mỏ đá Châu Pha	965.000.000	755.217.380	22
.....			
Tổng cộng	14.701.568.739	10.593.611.976	

Nguồn: CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại

Thu nhập bình quân của người lao động năm: 2.802.054 VND/người/tháng

Các khoản phải nộp theo luật định: Công ty thực hiện việc nộp thuế hàng năm theo đúng quy định của Nhà nước.

Trích lập các quỹ theo luật định: Công ty tiến hành trích quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty.

Tình hình công nợ qua các năm:

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2006	2007		2008		Quý 2/2009
	Giá trị	Giá trị	Tăng trưởng	Giá trị	Tăng trưởng	Giá trị
A. Các khoản phải thu	3.440	4.520	31.40%	6.893	52.50%	5.722
<i>I. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>3.440</i>	<i>4.520</i>	<i>31.40%</i>	<i>6.893</i>	<i>52.50%</i>	<i>5.537</i>
1. Phải thu của khách hàng	2.463	4.337	76.09%	4.097	-5.53%	4.170
2. Trả trước cho người bán				175		165
4. Phải thu khác	977	183	-81.27%	2.621	1332%	1.202
<i>II. Các khoản phải thu dài hạn</i>						<i>185</i>
B. Nợ phải trả	11.954	3.224	-73.03%	4.349	34.89%	8.825
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>11.918</i>	<i>2.904</i>	<i>-75.63%</i>	<i>4.008</i>	<i>38.02%</i>	<i>8.487</i>
1. Vay và nợ ngắn hạn	300	300	0.00%	300	0.00%	300
2. Phải trả người bán	491	939	91.24%	1.433	52.61%	2.496
3. Người mua trả tiền trước	1	24	2.300%	19	-20.83%	
4. Thuế và các khoản phải nộp NS	137	118	-13.87%	349	195.76%	2.901
5. Phải trả công nhân viên	63	257	307.94%		-100%	127
6. Chi phí phải trả	162	262	61.73%	362	38.17%	362
9. Phải trả phải nộp khác	10.764	1.004	-90.67%	1.545	53.88%	2.301
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>36</i>	<i>320</i>	<i>788.89%</i>	<i>341</i>	<i>6.56%</i>	<i>338</i>
3. Phải trả dài hạn khác		231		231	0.00%	231
4. Vay và nợ dài hạn						
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	36	89	147.22%	110	23.60%	107

Nguồn: Báo cáo tài chính CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại

11.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	2006	2007	2008	Quý 2/2009
I. Khả năng thanh toán				
Tỷ số thanh toán ngắn hạn (lần)	1,31	5,38	4,82	2,89
Tỷ số thanh toán nhanh (lần)	0,92	3,47	2,89	1,73
II. Các chỉ số đòn bẩy tài chính				
Hệ số nợ trên tổng tài sản (lần)	0,4470	0,1214	0,1422	0,2468
Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu (lần)	0,8423	0,1383	0,1632	0,3301
III. Các chỉ số hoạt động				
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	45,16	51,08	86,80	13,13
Vòng quay vốn lưu động (vòng)	2,35	3,22	3,68	1,18
Vòng quay Tài sản cố định (vòng)	3,27	4,60	6,33	2,58
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (%)	1,37	1,90	2,33	0,81
IV. Khả năng sinh lời				
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	11,80%	11,44%	9,04%	12,60%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA) (%)	16,11%	21,68%	21,03%	10,20%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) (%)	30,37%	24,71%	24,14%	13,65%
Giá vốn hàng bán/Doanh thu (%)	82,92%	84,34%	86,40%	81,65%
Chi phí bán hàng và quản lý/Doanh thu (%)	6,55%	5,84%	5,41%	6,95%
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh Thu (%)	10,53%	9,82%	8,19%	11,40%

 Khả năng thanh toán

Khả năng thanh toán của Công ty nhìn chung rất tốt. cả về khả năng thanh toán ngắn hạn và khả năng thanh toán nhanh. Nếu như trong năm 2006 các chỉ số thanh toán chỉ ở mức tương đối (chỉ số thanh toán ngắn hạn 1,31. chỉ số thanh toán nhanh 0,92) thì trong năm 2007 và 2008 các chỉ số này ở mức khá tốt (tỷ số thanh toán ngắn hạn năm 2007 là 5,38. năm 2008 là 4,82; tỷ số thanh toán nhanh năm 2007 là 3,47. năm 2008 là 2,89). Các khoản

nợ chiếm tỷ trọng thấp trong tổng tài sản góp phần làm cho khả năng thanh toán của Công ty khá đảm bảo và an toàn.

Các chỉ số đòn bẩy tài chính

Trong năm 2006, Công ty sử dụng đòn bẩy tài chính ở mức tương đối. Hệ số nợ trên tổng tài sản là 0,45; nợ trên vốn chủ sở hữu là 0,85. Tuy nhiên, sang năm 2007 và 2008, Công ty chủ động từng bước tăng vốn chủ sở hữu đồng thời hạn chế sử dụng đòn bẩy tài chính. Đến năm 2008, Tổng nợ chỉ chiếm 14,22% tổng tài sản; và chỉ bằng 16,32% tổng nguồn vốn; Điều này cho thấy, Công ty hoàn toàn có đủ vốn để hoạt động SXKD mà không cần phải sử dụng đòn bẩy tài chính. Tuy nhiên về lâu dài, Công ty cần chủ trương mở rộng hoạt động kinh doanh nhằm tận dụng tối đa nguồn vốn hiện có và gia tăng đòn bẩy hợp lý nhằm tối ưu hóa lợi nhuận doanh nghiệp.

Các chỉ số hoạt động

Vòng quay hàng tồn kho của Công ty từ 45,16 (năm 2006) đã tăng lên đến 86,8 (năm 2008); các vòng quay vốn lưu động, vòng quay tài sản cố định từ năm 2006 đến năm 2008 có sự tăng trưởng rất tốt; Các chỉ số hoạt động trong 3 năm qua ngày càng tăng cao cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng hiệu quả.

Khả năng sinh lời

Nhìn chung, khả năng sinh lời của Công ty trong những năm vừa qua là rất tốt, đặc biệt là năm 2007 và 2008; ROA năm 2008 đạt 21.03%; ROE năm 2008 đạt 24.14%. Công ty sử dụng khá hiệu quả nguồn vốn chủ sở hữu vào hoạt động kinh doanh gia tăng lợi nhuận.

12. Hội đồng Quản trị. Ban Giám đốc. Ban kiểm soát. kế toán trưởng

12.1. Hội đồng quản trị

Hiện nay, Hội đồng Quản Trị bao gồm 05 thành viên, danh sách như sau:

1. Ông Võ Nhựt Cường - Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên:	Võ Nhựt Cường
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	10/09/1959
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 54 – Nguyễn Mạnh Hùng – Long Toàn – Thị xã Bà Rịa – Tỉnh BRVT
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Tổng số cổ phần nắm giữ: + Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện tại Công ty: + Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	132.500 cổ phần 132.500 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Không
- Vi phạm pháp luật:	Không
- Các khoản nợ đối với CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Không

2. Ông Lê Tấn Hùng - Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên:	Lê Tấn Hùng
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	13/09/1952
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 5-Trần Hưng Đạo – Thị xã Bà Rịa
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Tổng số cổ phần nắm giữ: + Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện tại Công ty: + Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	212.910 cổ phần 212.910 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Không
- Vi phạm pháp luật:	Không
- Các khoản nợ đối với CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Không

3. Ông Võ Đình Hùng – Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên:	Võ Đình Hùng
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	02/04/1960
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 450/6, CMT8, Phường Phước Trung, Thị xã Bà Rịa
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Tổng số cổ phần nắm giữ: + Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện tại Công ty: + Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	27.400 cổ phần 27.400 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại	Không
- Vi phạm pháp luật:	Không
- Các khoản nợ đối với CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại	Không

4. Ông Đỗ Đình Nhơn – Thành viên HĐQT

- Họ và tên:	Đỗ Đình Nhơn
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	30/01/1960
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 23-KP1-Phường Phước Hiệp-Thị xã Bà Rịa, Tỉnh BRVT
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn	Trung cấp dầu khí
- Tổng số cổ phần nắm giữ: + Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện tại Công ty: + Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	30.000 cổ phần 30.000 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại	Không
- Vi phạm pháp luật:	Không
- Các khoản nợ đối với CTCP DVSXTM	Không

5. Ông Nguyễn Trọng Tá – Thành viên HĐQT

- Họ và tên:	Nguyễn Trọng Tá
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	01/08/1958
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	3700A KP11, Phường Phước Nguyên, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh BRVT
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn	Trung cấp hàng hải
- Tổng số cổ phần nắm giữ: + Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện tại Công ty: + Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	162.890 cổ phần 162.890 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại	Không
- Vi phạm pháp luật:	Không
- Các khoản nợ đối với CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại	Không

12.2. Ban kiểm soát

1. Ông Nguyễn Văn Tùng - Trưởng ban kiểm soát

- Họ và tên:	Nguyễn Văn Tùng
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	24/11/1960
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 1202, Phường Phước Trung, Thị xã Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Tổng số cổ phần nắm giữ: + Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện tại Công ty: + Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	32.600 cổ phần 32.600 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Không
- Vi phạm pháp luật:	Không
- Các khoản nợ đối với CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại	Không

2. Ông Trương Quý Ca – Thành viên ban kiểm soát

- Họ và tên:	Trương Quý Ca
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	24/10/1966
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Phường Phước Hưng, Thị Xã Bà Rịa
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
- Tổng số cổ phần nắm giữ: + Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện tại Công ty: + Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	1.100 cổ phần 1.100 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại	Không
- Vi phạm pháp luật:	Không
- Các khoản nợ đối với CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại	Không

3. Ông Trần Văn Chương – Thành viên ban kiểm soát

- Họ và tên:	Trần Văn Chương
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	23/05/1959
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 622 Phường Phước Hiệp, Thị Xã Bà Rịa
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn	Trung cấp kế toán
- Tổng số cổ phần nắm giữ: + Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện : + Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	2.600 cổ phần 2.600 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại	Không
- Vi phạm pháp luật:	Không
- Các khoản nợ đối với CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại	Không

12.3. Kế toán trưởng

Bà Võ Thị Loan – Chức vụ : Kế toán trưởng

- Họ và tên:	Nguyễn Thị Loan
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	06/7/1961
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Khu tập thể cơ khí, Phường Phước Hưng, Thị xã Bà Rịa
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn	Trung cấp kế toán
- Tổng số cổ phần nắm giữ: + Số cổ phần nhà nước uỷ quyền đại diện : + Số cổ phần cá nhân nắm giữ:	2.100 cổ phần 2.100 cổ phần
- Những người có liên quan nắm giữ cổ phiếu CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại	Không
- Vi phạm pháp luật:	Không
- Các khoản nợ đối với CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại	Không

13. Tài sản

Danh mục tài sản tính đến ngày 30/06/2009

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Nguyên giá	Giá trị còn lại
I	Tài sản cố định hữu hình	13.720.044.739	9.838.394.596
	Nhà cửa, vật kiến trúc	3.410.944.933	2.127.438.121
	Máy móc thiết bị	282.397.449	80.496.140
	Phương tiện vận tải	1.037.028.855	774.664.876
	Tài sản cố định khác	89.673.502	8.090.659
	Cây lâu năm	8.900.000.000	6.847.704.800
II	Tài sản cố định vô hình	981.524.000	755.217.380
	Chi phí lợi thế thương mại	965.000.000	755.217.380
	Phần mềm máy vi tính	16.524.000	0
	TSCĐ vô hình khác	0	0
	Tổng cộng	14.701.568.739	10.593.611.976

Nguồn: BCTC năm 2007, 2008 và BCTC 6 tháng 2009 của CTCP DV-SX-TM

14. Kế hoạch kinh doanh những năm tiếp theo

14.1. Định hướng chiến lược kinh doanh

- ❖ Hoạt động sản xuất và kinh doanh sản phẩm mủ cao su thiên nhiên sẽ vẫn là hoạt động chính của Công ty trong hiện tại và tương lai. Với định hướng trên, Công ty chủ động tìm kiếm hợp tác và ký kết các hợp đồng với các đối tác trong và ngoài nước nhằm ổn định thị trường tiêu thụ, tạo đầu ra cho sản phẩm.
- ❖ Tiếp tục giữ vững và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh xăng dầu và hoạt động khai thác đá xây dựng. Từng bước mở rộng hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn thị xã Bà Rịa.
- ❖ Nâng cao hơn nữa các hoạt động dịch vụ; Trong đó, chú trọng phát triển hoạt động xây dựng và san lấp mặt bằng. Đây là hoạt động có nhiều tiềm năng, phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn (thị xã Bà Rịa và các huyện lân cận như : huyện Tân Thành, Châu Đức...).
- ❖ Nâng cao hơn nữa công tác điều hành, quản lý; Phân phối xuất nhập, luân chuyển hàng hóa nhanh, kịp thời; Thực hiện tiết kiệm chi phí.

14.2. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Tổng tài sản	34.576.005.216	35.420.537.343	36.660.953.098
Vốn điều lệ	16.000.000.000	16.000.000.000	16.000.000.000
Doanh thu thuần	65.191.691.200	68.142.893.016	71.935.614.662
LN trước thuế	3.161.004.200	3.288.906.016	4.784.977.662
LN sau thuế	2.745.815.342	2.855.351.976	4.184.641.458
Chia cổ tức	9,81%	15%	14,95%
Trích lập các quỹ			
+ Quỹ khen thưởng phúc lợi	15%	15%	15%
+ Quỹ dự phòng tài chính	5.00%	5.00%	5.00%

Nguồn: CTCP Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cổ phần Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại cùng với việc phân tích triển vọng phát triển của ngành về dài hạn. Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Tế Việt Nam cho rằng, kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty dự kiến trong giai đoạn 2010-2012 là có thể đạt được nếu không ảnh hưởng bởi các yếu tố rủi ro bất khả kháng.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu phát hành.

Không có.

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phần chào bán là cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

Cổ phần chào bán có mệnh giá là: 10.000 VNĐ (mười nghìn đồng)

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số cổ phần dự kiến chào bán là: 770.000Cổ phần (*Bảy trăm bảy mươi nghìn cổ phần*)

4. Giá chào bán dự kiến

Giá khởi điểm chào bán dự kiến là: 32.400đồng/cổ phần

5. Thời gian, địa điểm đăng ký tổ chức và nộp tiền mua cổ phần

Được quy định cụ thể trong Quy chế đấu giá bán đấu giá cổ phần Nhà nước của Công ty cổ phần Dịch Vụ Sản Xuất Thương Mại.

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Nhà đầu tư nước ngoài được mua tối đa 770.000 cổ phần trong đợt chào bán này (tương đương 48.13% vốn điều lệ).

7. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Cổ phần được chào bán không bị hạn chế chuyển nhượng

8. Các loại thuế có liên quan

Theo quy định các loại thuế hiện hành đang áp dụng hiện nay:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm với thuế suất hiện nay là 25% kể từ năm 2009.
- Kể từ ngày 1/1/2009. luật thuế Thu nhập doanh nghiệp và luật thuế Thu nhập cá nhân sửa đổi vào năm 2009 sẽ được áp dụng. trong đó có quy định đánh thuế đối với hoạt động kinh doanh chứng khoán và các quy định có liên quan.

9. Mục đích chào bán

Mục đích chào bán: bán hết phần vốn nhà nước tại Công ty để thay đổi cơ cấu vốn cổ phần tại công ty theo chủ trương của Nhà nước về việc bán bớt hoặc bán hết phần vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp Nhà nước không cần giữ cổ phần chi phối.

10. Kế hoạch sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Sau khi tiến hành đấu giá bán hết phần vốn Nhà nước thì toàn bộ số tiền thu được bao gồm giá trị và thặng dư từ phần vốn nhà nước được chuyển về Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước quản lý.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Lầu 3, số 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Tel: (84-4) 3944 5888

Fax: (84-4) 3944 5999

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM
TẠI TP. HỒ CHÍ MINH**

Số 09, Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel : (84-8) 3915 2930

Fax : (84-8) 3915 2931/32

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ Điều lệ công ty
3. Phụ lục III: Các báo cáo tài chính năm 2006, 2007, 2008

Bà Rịa Vũng Tàu, ngày ... tháng ... năm 2009

ĐẠI DIỆN

**CHI NHÁNH CTCP CHỨNG KHOÁN
QUỐC TẾ VIỆT NAM TẠI TP.HCM**

GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ SẢN
XUẤT THƯƠNG MẠI**

CHỦ TỊCH HĐQT

VÕ THIÊN CHƯƠNG

VÕ NHỰT CƯỜNG